

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LÂM THAO  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11/8/2022

(V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình)

**NHÂN DANH  
N- ÓC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO - TỈNH PHÚ THỌ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Liên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Nguyễn Phúc Hiếu

2/ Ông Trần Gia Phương

*Th- ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao tham gia phiên tòa:* Bà Trần Lại Khánh Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao xét xử công khai vụ án thụ lý số: 150/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân gia đình”; theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXX-ST ngày 11 tháng 7 năm 2022 và thông báo mở lại phiên tòa số: 05/2022/TB-ST ngày 03 tháng 8 năm 2022 giữa các đ- ơng sự:

**Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Khu A, xã B, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Khu A, xã B, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

(Chị Đ có mặt, anh T vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án nguyên đơn là chị Trần Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Đình T đăng ký kết hôn ngày 29/10/1997 tại UBND xã B, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, không bị ai bị ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm dạn nứt không hàn gắn được, có lần anh T đánh đập chị phải đi bệnh viện điều trị. Vợ chồng có sống ly thân từ tháng 3/2021 đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị Đ xác định vợ chồng có 04 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 08/10/1998, cháu Nguyễn Ngọc Q ngày 11/3/2010, cháu Nguyễn Ngọc B2, sinh ngày 20/10/2012 và cháu Nguyễn Bảo C, sinh ngày 12/12/2014.

Khi ly hôn vợ chồng chị thống nhất thỏa thuận như sau: Cháu Nguyễn Thị Thanh T2 nay đã thành niên, xây dựng gia đình riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Còn đối với 03 con chung, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 03 con là cháu Nguyễn Ngọc Q, cháu Nguyễn Ngọc B2 và cháu Nguyễn Bảo C. Chị Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh T vì anh T tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: chị Trần Thị Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà anh T vắng mặt, theo bản tự khai ngày 27/5/2022 và tại phiên hoà giải ngày 15/6/2022, anh Nguyễn Đình T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T thừa nhận về thời gian và điều kiện kết hôn như chị Đ trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng có mâu thuẫn, có lần anh cũng đánh đập chị Đ nhưng theo anh chỉ là mâu thuẫn nhỏ không lớn và chưa đến mức trầm trọng, hơn nữa anh là người theo đạo thiên chúa giáo nên anh xin được đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh xác định có 04 con chung như chị Đ trình bày là đúng. Khi ly hôn vợ chồng anh thống nhất thỏa thuận: Cháu Nguyễn Thị Thanh T2 nay đã thành niên, xây dựng gia đình riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Còn đối với 03 con chung, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 03 con là cháu Nguyễn Ngọc Q, cháu Nguyễn Ngọc B2 và cháu Nguyễn Bảo C. Chị Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh vì anh tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của

người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Xử cho chị Trần Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Đình T.

Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Thanh T2 nay đã thành niên, xây dựng gia đình riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Còn đối với 03 con chung, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 03 con là cháu Nguyễn Ngọc Q, cháu Nguyễn Ngọc B2 và cháu Nguyễn Bảo C. Chị Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh vì anh tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị Đ, anh T không đề nghị nên không xem xét.

Về án phí: Chị Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Trần Thị Đ đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Đình T trú tại: Khu A, xã B, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ là tranh chấp Hôn nhân gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao.

Bị đơn anh Nguyễn Đình T đã nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, thông báo mở lại phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Đình T đăng ký kết hôn ngày 29/10/1997 tại UBND xã B, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu, lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Xét thấy chị Đ và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm nên là hôn nhân hợp pháp. Nay chị Đ có đơn xin ly hôn anh T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung

dẫn đến tình cảm dần nứt không hàn gắn được và sống ly thân từ tháng 3/2021 đến nay. Điều này được xác định hai bên đều thừa nhận. Việc anh T xin đoàn tụ chỉ vì anh theo đạo thiên chúa giáo. Xác minh tại khu dân cư thấy rằng cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau và đã sống ly thân. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị Đ và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy xét ý kiến của chị Đ là phù hợp với pháp luật và cuộc sống thực tế của vợ chồng nên được chấp nhận, ý kiến của anh T không được chấp nhận. Vì vậy, cần xử cho chị Trần Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Đình T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Đ, anh T xác định vợ chồng có 04 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 08/10/1998, cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh ngày 11/3/2010, cháu Nguyễn Ngọc Bích, sinh ngày 20/10/2012 và cháu Nguyễn Bảo Châm, sinh ngày 12/12/2014. Hiện nay cháu Nguyễn Thị Thanh T2 đã trưởng thành chị Đ không đề nghị tòa án giải quyết nên tòa án không xem xét giải quyết. Còn 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Q, cháu Nguyễn Ngọc B2 và cháu Nguyễn Bảo C đang sống cùng với anh T tại xã B, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Khi ly hôn cả hai bên thông nhất giao ba con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên, chị Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh T, xét thấy đó là sự tự nguyện của chị Đ, anh T và phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Chị Đ, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, 228 khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Đ.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Đình T.

2/Về con chung: cháu Nguyễn Thị Thanh T2 đã trưởng thành Tòa án không xem xét giải quyết. Giao cháu Nguyễn Ngọc Q ngày 11/3/2010, cháu Nguyễn Ngọc B2, sinh ngày 20/10/2012 và cháu Nguyễn Bảo C, sinh ngày 12/12/2014 cho anh Nguyễn Đình T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung thành niên. Chị Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh T. Chị Đ có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Tòa án không xem xét.

4/ Về án phí: Chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. (Xác nhận chị Đ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0002163 ngày 20/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao).

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm để đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao ;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu HS,VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Kim Liên**